

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG YANG
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS-ST
Ngày: 03/10/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Nam Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Như Kiên và ông Ngô Thanh Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Yang tham gia phiên
tòa:** Bà Vũ Thị Thanh – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2019 về *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trương Thanh L** – sinh năm: 1988

Trú tại: Thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

(Có mặt tại phiên tòa)

- *Bị đơn:* Ông **Lê Văn C** – sinh năm: 1976 (Vắng mặt không có lý do)

Bà **Nguyễn Thị B** – sinh năm: 1978 (Có mặt tại phiên tòa)

Cùng trú tại: Tổ 6, thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trương Thanh L yêu cầu khởi kiện như sau:

Ngày 22/11/2018 âm lịch ông L có cho vợ chồng ông C và bà B vay số tiền 300.000.000 đồng để mua đất và hẹn ngày 25/12/2018 âm lịch sẽ hoàn trả đủ. Hai bên có viết giấy mượn tiền tuy nhiên chỉ có ông Lê Văn C ký giấy. Tuy nhiên đến hạn trả nợ, ông L nhiều lần đòi nợ nhưng vợ chồng ông C không trả. Vì vậy ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn C và bà

Nguyễn Thị B phải trả 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) tiền gốc. Còn về số tiền lãi 5.000.000 đồng ông L không yêu cầu vợ chồng ông C trả nữa.

* Đối với bị đơn ông Lê Văn C đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không có yêu cầu gì. Ông C được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải ngày 19/6/2019 và ngày 22/7/2019, cũng như tại phiên tòa ngày 16/9/2019. Tại phiên tòa hôm nay ông C vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị B trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà B không chấp nhận số nợ trên bởi việc vay mượn giữa ông C và ông L bà không tham gia nên không biết. Ông C cũng không nói cho bà biết. Bà và ông C chỉ có tài sản chung căn nhà và lô đất mua năm 2005 ở tổ 6, thị trấn Kon Dong, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai. Bà và ông C mâu thuẫn tình cảm không quan tâm đến nhau đã lâu, hiện nay ông bà đã ly hôn. Nay nguyên đơn yêu cầu bà liên đới cùng ông C trả số nợ 300.000.000 đồng thì bà không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Lê Văn C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mang Yang xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trương Thanh L khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị B, địa chỉ: tổ 6, thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai phải trả số tiền nợ đã vay. Như vậy đây là loại tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mang Yang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 300.000.000 đồng tiền gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả 300.000.000 đồng tiền gốc và không yêu cầu tiền lãi. Xét yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Căn cứ giấy mượn tiền nguyên đơn cung cấp, tại phiên tòa bà B xác nhận chữ viết trong giấy mượn tiền là của ông Lê Văn C, đồng thời sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho ông C nhưng ông C không có ý kiến phản đối vì vậy có đủ cơ sở xác định ông C có vay ông L số tiền 300.000.000 đồng. Theo nội dung giấy mượn tiền thì ông C hẹn đến ngày 25/12/2018 âm lịch sẽ trả tuy nhiên đến nay ông C vẫn chưa trả nên ông L yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 300.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Đối với bà Nguyễn Thị B là vợ ông C tại phiên tòa không thừa nhận khoản nợ 300.000.000 đồng mà ông C vay của ông L là nợ chung của ông bà vì bà không biết khoản tiền vay này ông C vay khi nào và vay làm gì. Tại giấy mượn tiền thể hiện chỉ một mình ông C vay, ông L cũng xác nhận tại thời điểm cho ông C vay ông L cũng chưa biết bà B. Như vậy đây không phải là khoản nợ chung của ông C và bà B mà là khoản nợ riêng của ông C nên bà B không có trách nhiệm phải liên đới cùng ông C trả số tiền nợ 300.000.000 đồng. Vì là khoản nợ riêng của ông C nên cần buộc ông C phải trả cho ông L toàn bộ số tiền nợ 300.000.000 đồng.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn ông Lê Văn C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Cụ thể án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án là: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Nguyên đơn được trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thanh L.

Buộc ông Lê Văn C phải trả cho ông Trương Thanh L số tiền là **300.000.000 đồng** (*Ba trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tại thời điểm thanh toán.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 300.000.000 đồng.

2. Về án phí: Ông Lê Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

Ông Trương Thanh L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Trương Thanh L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.625.000

đồng (Bảy triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000905 ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

3. Về thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (03/10/2019), các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Mang Yang;
- Chi cục THADS huyện Mang Yang (khi án có hiệu lực);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Nam Trung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

